TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 1157/2018/HNGĐ-ST Ngày: 22/11/2018 V/v : Tranh chấp ly hôn giữa chị M và anh D	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bảo Hồng

2. Bà Cao Ngọc Xuân

Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 642/2018/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2018, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh M, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Số 1726/4 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông Lê Công D, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Số 1726/4 đườngA, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2018 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh M trình bày:

Chị M và anh Lê Công D chung sống vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02, quyển số 1/93, đăng ký ngày 14/01/1993. Trong thời

gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa chị M và anh D bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây tranh cãi, ngoài ra ông D không quan tâm chăm sóc gia đình và thường xuyên có hành động bạo lực đối với chị M. Mặc dù cả hai bên đã nhiều lần tự hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng giữa vợ chồng không còn tiếng nói chung, không chia sẻ được các vấn đề trong cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, chị M đã sống ly thân với anh D từ năm 2017 cho đến nay. Tại buổi hòa giải ngày 07/9/2018, anh D không đồng ý ly hôn muốn đoàn tụ gia đình và xin Tòa án cho thời gian 01 tháng để thể hiện thiện chí hòa giải hàn gắn gia đình nhưng thực tế anh D không hề có bất kỳ hành động nào để hàn gắn mâu thuẫn gia đình mà thường xuyên có những lời lẽ đe dọa, xúc phạm chị M. Do đó, chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn anh D. Về con chung: có hai con chung tên Lê Thanh H, sinh ngày 09/5/1993 và Lê Thanh V, sinh ngày 21/5/2000, hiện nay đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị M tự xác định không có tài sản chung. Về nợ chung: Chị M tự khai không nợ gì của ai.

Bị đơn anh Lê Công D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt đến ngày 07/9/2018, anh D đến Tòa án trình bày tự khai và tham gia hòa giải thể hiện ý kiến không muốn ly hôn với chị M đồng thời xin thời gian 01 tháng để hòa giải hàn gắn tình cảm với chị M và suy nghĩ về mối quan hệ hôn nhân giữa hai người. Về tài sản chung và nợ chung: Anh D xác định giữa anh D và chị M không có tài sản chung và không nợ chung ai. Tuy nhiên, sau đó anh D không đến Tòa để tham gia hòa giải lần tiếp theo nên Tòa án không ghi được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử, Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn xét xử đảm bảo theo quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Lê Công D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ Luật tố tụng Dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Anh D đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập dự phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thanh M thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn là anh Lê Công D có nơi cư trú tại Quận 8 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Chị Nguyễn Thanh M và anh Lê Công D chung sống với nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02, quyển số 1/93, đăng ký ngày 14/01/1993, nên xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị M, chị M trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa chị M và anh D bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên gây tranh cãi, dù đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sự chia sẻ và tôn trọng nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, anh D thiếu tôn trọng và có hành vi bạo lực gia đình đối với chị M. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị M yêu cầu được ly hôn. Căn cứ Điều 51 Luật Hôn Nhân và Gia Đình, yêu cầu của chị M là có căn cứ cần giải quyết. Xét thấy anh D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng anh D vẫn vắng mặt không tham gia hòa giải lần 2 và cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện anh D không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh D không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được,

nên yêu cầu ly hôn của chị M cần chấp nhận vì phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Chị M và anh D có hai con chung tên Lê Thanh H, sinh ngày 09/5/1993 và Lê Thanh V, sinh ngày 21/5/2000, hiện nay đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án can thiệp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều xác định cả hai không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều 8, 9, 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm số 52/2014/QH13;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thanh M

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh M được ly hôn với anh Lê Công D.

2. Về nuôi con chung: Có hai con chung tên Lê Thanh H, sinh ngày 09/5/1993 và Lê Thanh V, sinh ngày 21/5/2000 hiện nay đều đã thành niên, các bên không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự tự xác định không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị Nguyễn Thanh M phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014892 ngày 21/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Chị M, anh D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Lương Duy Minh Chính

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.